Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8532.21.00

Mã HS	8532.21.00
Mô tả hàng hóa	Tụ điện, loại có điện dung cố định, biến đổi hoặc điều chỉnh được (theo mức định trước) / - Tụ điện cố định khác: / - - Tụ tantan (tantalum)
Đơn vị	kg/chiếc
Thời điểm tạo	02/11/2026 15:09:27
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/85322100/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K15720
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N15720
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q15720
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VN-EAEU	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E15052
ATIGA	2022	2022	0	AT!E14984
ATIGA	2023	2023	0	AT!F14984
ATIGA	2024	2024	0	AT!G14984
ATIGA	2025	2025	0	AT!H14984
ATIGA	2026	2026	0	AT!I14984
ATIGA	2027	2027	0	AT!J14984
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E15038
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F15038
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G15038

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H15038
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I15038
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J15038
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E15039
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F15039
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G15039
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H15039
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I15039
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J15039
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F15042
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H14990
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F14998
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G14998
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H14998
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I14998
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J14998
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K14998
VKFTA	2022	2022	0	VK!E15038
VKFTA	2023	2023	0	VK!F15038
VKFTA	2024	2024	0	VK!G15038
VKFTA	2025	2025	0	VK!H15038
VKFTA	2026	2026	0	VK!I15038
VKFTA	2027	2027	0	VK!J15038
VCFTA	2022	2022	0	VC!D15093
VCFTA	2023	2023	0	VC!E15093
VCFTA	2024	2024	0	VC!F15093

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	0	VC!G15093
VCFTA	2026	2026	0	VC!H15093
VCFTA	2027	2027	0	VC!I15093
VN-EAEU	2022	2022	*	EAV!D15072
VN-EAEU	2023	2023	*	EAV!E15072
VN-EAEU	2024	2024	*	EAV!F15072
VN-EAEU	2025	2025	*	EAV!G15072
VN-EAEU	2026	2026	*	EAV!H15072
VN-EAEU	2027	2027	*	EAV!I15072
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D15070
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E15070
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F15070
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G15070
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H15070
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I15070
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D15076
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E15076
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F15076
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G15076
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H15076
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I15076
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D15075
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E15075
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F15075
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G15075
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H15075

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I15075
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D15068
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E15068
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F15068
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G15068
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H15068
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I15068
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J15068
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D15063
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E15063
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F15063
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G15063
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H15063
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I15063
RCEP B	2022	2022	0	B!D15063
RCEP B	2023	2023	0	B!E15063
RCEP B	2024	2024	0	B!F15063
RCEP B	2025	2025	0	B!G15063
RCEP B	2026	2026	0	B!H15063
RCEP B	2027	2027	0	B!I15063
RCEP C	2022	2022	0	C!D15063
RCEP C	2023	2023	0	C!E15063
RCEP C	2024	2024	0	C!F15063
RCEP C	2025	2025	0	C!G15063
RCEP C	2026	2026	0	C!H15063
RCEP C	2027	2027	0	C!I15063

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2022	2022	0	D!D15062
RCEP D	2023	2023	0	D!E15062
RCEP D	2024	2024	0	D!F15062
RCEP D	2025	2025	0	D!G15062
RCEP D	2026	2026	0	D!H15062
RCEP D	2027	2027	0	D!I15062
RCEP E	2022	2022	0	E!D15066
RCEP E	2023	2023	0	E!E15066
RCEP E	2024	2024	0	E!F15066
RCEP E	2025	2025	0	E!G15066
RCEP E	2026	2026	0	E!H15066
RCEP E	2027	2027	0	E!I15066
RCEP F	2022	2022	0	F!D15063
RCEP F	2023	2023	0	F!E15063
RCEP F	2024	2024	0	F!F15063
RCEP F	2025	2025	0	F!G15063
RCEP F	2026	2026	0	F!H15063
RCEP F	2027	2027	0	F!I15063
VIFTA	2024	2024	0	VI!F14034
VIFTA	2025	2025	0	VI!G14034
VIFTA	2026	2026	0	VI!H14034
VIFTA	2027	2027	0	VI!I14034

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8532.21.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8532.21.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N15720), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.